

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình: Cử nhân ngành **CÔNG NGHỆ TRUYỀN THÔNG**

Trình độ đào tạo : **Đại học**

Ngành đào tạo : **CÔNG NGHỆ TRUYỀN THÔNG**
(Communication Technology)

Mã số : **7320106**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Bằng tốt nghiệp : **Cử nhân ngành CÔNG NGHỆ TRUYỀN THÔNG**

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế;
- Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- a) Đào tạo người học có kiến thức nền tảng về lĩnh vực khoa học xã hội, kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực **công nghệ truyền thông**, có kỹ năng nghề nghiệp và thái độ hợp tác tích cực trong công việc; nắm vững các thể loại sản phẩm và các kênh truyền thông (phát thanh, truyền hình, điện ảnh) về công nghệ, quy trình sản xuất và các kỹ năng quản trị sản xuất, kinh doanh các sản phẩm truyền thông.
- b) Đào tạo người học có khả năng nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ, tổ chức các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực truyền thông.
- c) Cử nhân **Công nghệ truyền thông** có khả năng cần thiết, khả năng giao tiếp, trình bày tốt, sử dụng tốt tiếng Anh, kỹ năng quản lý dự án, quản trị các nguồn lực, con người, tài chính, thời gian, có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc tại các tổ chức, các doanh nghiệp trong và ngoài nước.
- d) Cử nhân **Công nghệ truyền thông** có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu, giảng dạy các vấn đề thuộc lĩnh vực **truyền thông** tại các cơ sở giáo dục, các tổ chức nghiên cứu.

1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo (Mục tiêu cụ thể)			
		MT a)	MT b)	MT c)	MT d)

TT	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo (Mục tiêu cụ thể)			
		MT a)	MT b)	MT c)	MT d)
I. Kiến thức					
1	<p>Kiến thức cơ bản / nền tảng của ngành:</p> <ul style="list-style-type: none"> Kiến thức cơ bản về thông tin, hoạt động truyền thông, hệ thống sản phẩm và công nghệ truyền thông, hệ thống mạng toàn cầu, hệ thống quản trị thông tin. Hiểu được hệ thống triết học, nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sử dụng được các công cụ thu thập, xử lý, thông tin thông dụng. 	x			x
2	<p>Kiến thức cơ sở cốt lõi ngành Công nghệ truyền thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nắm vững kiến thức khoa học có hệ thống ở trình độ đại học về công nghệ truyền thông bao gồm các kiến thức về khoa học xã hội nhân văn, về quản trị, về kinh doanh, ngoại ngữ, về truyền thông (kỹ thuật sáng tạo nội dung, các thể loại sản phẩm truyền thông, hệ thống và quy trình sản xuất, hệ thống phát hành và kinh doanh...) Hiểu biết và nắm vững quy trình sản xuất và phát hành sản phẩm truyền thông. Có kiến thức về quản lý các hoạt động thuộc lĩnh vực quản trị sản xuất và kinh doanh truyền thông. 	x	x		x
3	<p>Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ Công nghệ truyền thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> Có kiến thức sâu rộng về ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất sản phẩm truyền thông kỹ thuật số và quản trị kinh doanh sản phẩm truyền thông đa phương tiện (mạng xã hội, digital media, social media...). Sử dụng thành thạo các công cụ và quy trình sản xuất và phát hành sản phẩm truyền thông. Có tư duy sáng tạo, vận dụng được các phương pháp và công cụ để xây dựng nội dung sản phẩm truyền thông, chuyển tải ý tưởng nghệ thuật, định hướng công chúng. Hiểu và nắm vững phương pháp đánh giá 	x	x	x	x

TT	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo (Mục tiêu cụ thể)			
		MT a)	MT b)	MT c)	MT d)
	tác động của truyền thông đối với xã hội. Vận dụng kiến thức để tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông phù hợp, xây dựng hệ thống, quản trị các xu hướng và hoạt động truyền thông nhằm đạt các mục tiêu của tổ chức.				
4	<p>Kiến thức nền tảng rộng (khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, tin học):</p> <ul style="list-style-type: none"> Hiểu được nền tảng khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt là các lĩnh vực xã hội học, tâm lý học, mỹ học, văn hóa và kinh tế, vai trò của các lĩnh vực trên đối với ngành Công nghệ truyền thông. Hiểu được những vấn đề cơ bản, cốt lõi về xã hội nhà nước và pháp luật, vận dụng Luật báo chí và các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động tác nghiệp. Nhớ các công cụ xử lý, lưu trữ thông tin thông dụng trên máy tính, các ứng dụng tin học văn phòng để giải quyết công việc. 	x	x		x
5	<p>Kiến thức ngành gần, khác ngành</p> <ul style="list-style-type: none"> Ứng dụng các công cụ của marketing, cách xây dựng chiến dịch marketing vào các kênh truyền thông trong Công nghệ truyền thông. Hiểu những vấn đề cơ bản, cốt lõi về tâm lý giao tiếp, vận dụng trong quá trình sản xuất sản phẩm truyền thông. 	x	x	x	x
6	<p>Kiến thức đại cương khác (ngoại ngữ, GDTC, GDQP):</p> <ul style="list-style-type: none"> Rèn luyện và sử dụng tốt tiếng Anh trong giao tiếp. Hiểu nội dung cơ bản về công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới. Hiểu những kiến thức khoa học cơ bản trong thể dục thể thao, vận dụng vào quá trình tự rèn luyện phát triển thể chất 	x		x	x
II. Kỹ năng					
1	<p>Lập luận phân tích và giải quyết vấn đề Công nghệ truyền thông</p> <ul style="list-style-type: none"> Phân tích được vấn đề liên quan trong lĩnh vực Công nghệ truyền thông. Triển khai các hoạt động giải quyết vấn đề. Phối hợp nhiều nguồn lực khác nhau để thúc 		x	x	

TT	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo (Mục tiêu cụ thể)			
		MT a)	MT b)	MT c)	MT d)
	đẩy việc giải quyết vấn đề một cách hiệu quả.				
2	<i>Thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá tri thức</i> <ul style="list-style-type: none"> Rà soát nội dung tài liệu để hình thành các giả thuyết khoa học Thực hiện các phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng. Vận dụng nghiên cứu trong thực tiễn 		X	X	X
3	<i>Tư duy hệ thống</i> <ul style="list-style-type: none"> Tiếp thu các lý thuyết cơ bản liên quan trong lĩnh vực Công nghệ truyền thông, tư duy chính thể/ logic, tư duy phân tích đa chiều. Kết hợp các kiến thức liên ngành để phát hiện vấn đề, mối tương quan giữa các vấn đề và tìm ra xu hướng phát triển trong lĩnh vực Công nghệ truyền thông 		X	X	X
4	<i>Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp:</i> <ul style="list-style-type: none"> Làm việc nhóm đa lĩnh vực: Tổ chức, quản lí, xây dựng nhóm làm việc hiệu quả; Làm việc độc lập: Xây dựng kế hoạch công việc khoa học và hợp lý; Phát triển tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm Giao tiếp hiệu quả trong Công nghệ truyền thông: Phát triển giao tiếp bằng văn bản, các phương tiện truyền thông; Xây dựng mối quan hệ giữa các đối tác trong Công nghệ truyền thông; Phát triển khả năng thuyết trình lưu loát. 		X	X	X
5	<i>Kỹ năng thích nghi môi trường công việc:</i> Có khả năng làm việc dưới áp lực cao trong môi trường đa dạng và năng động, có kỹ năng làm việc nhóm hoặc nghiên cứu độc lập, phán đoán, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề.		X	X	X
6	<i>Năng lực nhận thức về bối cảnh bên ngoài, xã hội và môi trường</i> <ul style="list-style-type: none"> Đánh giá bối cảnh xã hội và ngoại cảnh liên quan đến ngành Công nghệ truyền thông, xác định được vai trò của các chuyên viên công nghệ truyền thông trong sự thay đổi của xã hội. Lập kế hoạch và tìm phương án thích ứng với những biến đổi và đòi hỏi của công việc, vận dụng được kiến thức, kỹ năng của cá 		X	X	X

TT	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo (Mục tiêu cụ thể)			
		MT a)	MT b)	MT c)	MT d)
	nhân để phát triển. <ul style="list-style-type: none"> Vận dụng được tiến bộ trong phát triển công nghệ vào nghề nghiệp. 				
7	Năng lực nhận thức về bối cảnh doanh nghiệp và kinh doanh <ul style="list-style-type: none"> Nhận thức về bối cảnh của tổ chức và thích ứng với yêu cầu công việc trong các mô hình tổ chức khác nhau (chính phủ, doanh nghiệp, trường học...). Kết nối bằng hoạt động truyền thông trong tổ chức, góp phần hình thành các kênh trao đổi thông tin, nâng cao hiệu quả làm việc, góp phần xây dựng hình ảnh, thương hiệu của tổ chức. 		X	X	X
8	Năng lực hình thành ý tưởng, giải pháp: <ul style="list-style-type: none"> Phối hợp nhiều nguồn lực khác nhau để hình thành ý tưởng, hoạt động Công nghệ truyền thông. Đề xuất các giải pháp nội dung, kỹ thuật để sản xuất và phát hành sản phẩm truyền thông. 		X	X	X
9	Năng lực thiết kế, xây dựng chương trình, chiến dịch Công nghệ truyền thông <ul style="list-style-type: none"> Kết hợp các khối kiến thức và kỹ năng đã được trang bị trong quá trình học và thực tập nghề nghiệp vào thiết kế xây dựng chương trình Công nghệ truyền thông. Phối hợp thiết kế các chương trình, chiến dịch truyền thông. 		X	X	X
10	Năng lực tổ chức thực hiện, triển khai: <ul style="list-style-type: none"> Phát triển thông điệp của tổ chức bằng các hình thức, sản phẩm truyền thông. Rà soát các kênh truyền thông phù hợp với mục đích công việc. Đánh giá sản phẩm truyền thông và kết quả hoạt động bằng phương pháp định tính, định lượng. Quản lý các nguồn kinh phí, tài trợ cho các sản phẩm, hoạt động truyền thông của tổ chức. Đánh giá thông tin phản hồi từ các cá nhân, cơ quan, tổ chức xã hội. 		X	X	X
III. Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm					
1	Có phẩm chất chính trị - nghề nghiệp, có trách	X	X	X	X

TT	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo (Mục tiêu cụ thể)			
		MT a)	MT b)	MT c)	MT d)
	nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị.				
2	Có lòng say mê nghề nghiệp. Có ý chí phấn đấu và đạo đức nghề nghiệp.		x	x	x
3	Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp. Có phương pháp làm việc khoa học, có khả năng tự cập nhật kiến thức và vận dụng sáng tạo trong công việc.		x	x	x
V. Chuẩn đầu ra tiếng Anh và Tin học					
1	Chúng chỉ Tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5.5 trở lên hoặc tương đương.			x	
2	Chúng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao do Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM sát hạch.		x		
VI. Vị trí công việc có khả năng đảm nhận					
1	Chuyên viên phụ trách truyền thông tại các đơn vị, doanh nghiệp; chuyên viên bộ phận tổ chức sự kiện, phát triển hoạt động truyền thông; cán bộ chức năng trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc đơn vị tổ chức chính trị - xã hội.	x	x	x	
2	Tổ chức sản xuất, kinh doanh sản phẩm truyền thông tự do. Thành viên ê kíp sản xuất, quản lý sản phẩm truyền thông theo dự án. Tổ chức hoạt động kinh doanh trong thị trường sản phẩm truyền thông.	x	x	x	
3	Phóng viên, cộng tác viên tại các cơ quan thông tấn, đài phát thanh, đài truyền hình. Tổ chức sản xuất chương trình truyền thông, dẫn chương trình, biên tập nội dung, sản xuất và phát hành chương trình.		x	x	x
4	Tiếp tục học tập nghiên cứu để trở thành cán bộ giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu về truyền thông.	x			x

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOÁ: 130 tín chỉ. Trong đó khối lượng kiến thức tích lũy: 127 tín chỉ, khối kiến thức không tích lũy: 03 tín chỉ và kiến thức giáo dục quốc phòng an ninh theo quy định (165 tiết).

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Tp. Hồ Chí Minh.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ GD&ĐT và Quy chế đào tạo theo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Tp. Hồ Chí Minh.

6. THANG ĐIỂM

Thực hiện theo Quy chế đào tạo theo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Tp. Hồ Chí Minh.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Khối kiến thức		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
I. Kiến thức đại cương		58	45 %
I.1.	Khoa học	12	
I.2.	Ngoại ngữ	24	
I.3.	Tin học	3	
I.4.	Luật	3	
I.5.	Chính trị	10	
I.6.	Kỹ năng	6	
II. Kiến thức chuyên ngành		69	53 %
II.1.	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc	57	
II.2.	Kiến thức chuyên ngành tự chọn	12	
III. Kiến thức không tích lũy		3	2 %
III.1.	Giáo dục thể chất	3	
III.2.	Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết)		
Tổng cộng:		130	100%

Chương trình chi tiết:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
			<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
			Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
I. KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG			52						
I.1. Khoa học			12						
I.1.01	SOS1101	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3					
I.1.02	SOC1101E	Xã hội học	3	3					
I.1.03	PUR1128E	Truyền thông quốc tế	3	3					
I.1.04	PSY1103E	Tâm lý giao tiếp	3	3					
I.2. Ngoại ngữ			24						

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
			<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
			Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
I.2.01	ENG2101	Tiếng Anh 1	4	4					
I.2.02	ENG2102	Tiếng Anh 2	4	4					
I.2.03	ENG2103	Tiếng Anh 3	4	4					
I.2.04	ENG2104	Tiếng Anh 4	4	4					
I.2.05	ENG2105	Tiếng Anh 5	4	4					
I.2.06	ENG2106	Tiếng Anh 6	4	4					
I.3. Tin học			3						
I.3.01	ITE1201	Tin học đại cương	3	2	1				
I.4. Luật			3						
I.4.01	LAW1139	Xã hội nhà nước và pháp luật	3	3					
I.5. Chính trị			10						
I.5.01	POL1101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	2					
I.5.02	POL1102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	3					
I.5.03	POL1103	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3					
I.5.04	POL1104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2					
I.6. Kỹ năng			6						
I.6.01	SKI1107	Project design 1	3	3					
I.6.02	SKI1108	Project design 2	3	3			SKI1107		
II. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			69						
II.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			57						
II.1.01	COT1102	Lý thuyết truyền thông	3	3					
II.1.02	COT1101	Công nghệ trình diễn cơ bản	3	3					
II.1.03	COT1103	Ngôn ngữ điện ảnh	3	3					
II.1.04	MKT1101E	Marketing căn bản	3	3					
II.1.05	COT1104E	Truyền thông marketing tích hợp	3	3			MKT1101E		
II.1.06	COT1105E	Hệ thống thiết bị kỹ thuật sản xuất audio, video	3	3					
II.1.07	PUR1116E	Mạng xã hội và truyền	3	3					

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
			<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
			Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
		thông tương tác							
II.1.08	COT1106	Thiết kế và phát triển kênh truyền thông	3	3					
II.1.09	COT1107	Thiết kế nội dung truyền thông	3	3					
II.1.10	COT1108	Nghiệp vụ đạo diễn cơ bản	3	3			COT1103		
II.1.11	COT1109	Kịch bản phân cảnh	3	3					
II.1.12	PUR1108E	Tổ chức sự kiện	3	3					
II.1.13	COT1110E	Kỹ thuật ảnh	3	3					
II.1.14	COT1111E	Kỹ thuật dựng phim	3	3					
II.1.15	COT1112E	Sản xuất quảng cáo TVC và New Media	3	3					
II.1.16	COT1113	Sản xuất chương trình giải trí phát thanh truyền hình	3	3			COT1108		
II.1.17	COT1414	Đồ án quản trị sự kiện	3			3	PUR1108E		
II.1.18	COT1415	Đồ án tổ chức sản xuất chương trình giải trí	3			3			
II.1.19	COT1321	Thực tập tốt nghiệp	3						
II.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn (Sinh viên chọn 1 trong các chuyên ngành sau) hoặc Khóa luận tốt nghiệp			12						
II.2.1	Chuyên ngành Quản trị sản xuất sản phẩm truyền thông								
II.2.1.01	PUR1106E	Xây dựng và quảng bá thương hiệu	3	3					
II.2.1.02	COT1116	Quản trị dự án truyền thông	3	3					
II.2.1.03	COT1417	Đồ án Quản trị dự án truyền thông	6			6	COT1414		
II.2.1.04	COT1422	Khóa luận tốt nghiệp	12						
II.2.2	Chuyên ngành Kinh doanh sản phẩm truyền thông								
II.2.2.01	COT1118	Kinh doanh sản phẩm truyền thông	3	3					
II.2.2.02	COT1119E	Nghiên cứu thị hiếu	3	3					

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
			<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
			Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
		công chúng							
II.2.2.03	COT1420	Đồ án kinh doanh sản phẩm truyền thông	6			6		COT1415	
II.2.2.04	COT1422	Khóa luận tốt nghiệp	12						
III. KIẾN THỨC KHÔNG TÍCH LŨY			3						
III.1	Giáo dục thể chất (sinh viên chọn 1 trong 4 nhóm sau)		3		3				
III.1.1	Nhóm 1:								
III.1.1.01	GYM1311	GDTC - Aerobic 1	1		1				
III.1.1.02	GYM1312	GDTC - Aerobic 2	1		1				
III.1.1.03	GYM1313	GDTC - Aerobic 3	1		1				
III.1.2	Nhóm 2:								
III.1.2.01	GYM1321	GDTC - Vovinam 1	1		1				
III.1.2.02	GYM1322	GDTC - Vovinam 2	1		1				
III.1.2.03	GYM1323	GDTC - Vovinam 3	1		1				
III.1.3	Nhóm 3:								
III.1.3.01	GYM1331	GDTC - Boxing 1	1		1				
III.1.3.02	GYM1332	GDTC - Boxing 2	1		1				
III.1.3.03	GYM1333	GDTC - Boxing 3	1		1				
III.1.4	Nhóm 4:								
III.1.4.01	GYM1341	GDTC – Thể hình thẩm mỹ 1	1		1				
III.1.4.02	GYM1342	GDTC - Thể hình thẩm mỹ 2	1		1				
III.1.4.03	GYM1343	GDTC - Thể hình thẩm mỹ 3	1		1				
III.2	MIL1203	Giáo dục quốc phòng - an ninh (165 tiết)							

Ghi chú: Mã MH ký hiệu **xxxxxxxE** – môn giảng dạy bằng tiếng Anh.